TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 288/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2026
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Hồng Cúc
Ông Lê Văn Chi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 940/2026/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 30 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thanh T - Sinh năm: 2000 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang
- *Bị đơn*: Anh Châu Thanh Q - Sinh năm: 1995 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Trần Thị Thanh T trình bày:

Chị T và anh Châu Thanh Q tự tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2024, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới nhau anh chị chung sống hạnh phúc khoảng 01 năm, sau đó thường phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai đã tự sửa đổi nhưng không thể hàn gắn được tình cảm, vợ chồng đã ly thân, không còn liên lạc từ tháng 10/2025 cho đến nay. Chị T yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Châu Thanh Q đã được Tòa án cấp, tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh T khởi kiện xin ly hôn với anh Châu Thanh Q. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng anh Q vắng mặt không rõ lý do. Chị T có đơn xin vắng mặt do bận đi làm ăn xa. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Châu Thanh Q cưới nhau năm 2024, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2025 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không đưa ra giải pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Q ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Châu Thanh Q.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 306802 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Châu Thanh Q.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 306802 ngày 14/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An